

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

CONG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 665 /2016/CV-TCKH

Lào Cai, ngày 18 tháng 10 năm 2016

V/v: Công bố báo cáo tài chính quý 3/2016
và giải trình lợi nhuận sau thuế quý 3/2016
so với quý 3/2015.

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2
2. Mã chứng khoán: ND2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B Đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0203 501 540 Fax: 0203 906 661
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Công bố thông tin báo cáo tài chính quý 3 năm 2016 kết thúc ngày 30/09/2016 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 được lập ngày 17/10/2016 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo.
 - 6.2 Công bố thông tin về văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 3/2016 so với lợi nhuận sau thuế quý 3/2015 kèm theo.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính quý 3/2016 của Công ty và văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế quý 3/2016 so với lợi nhuận sau thuế quý 3/2015 Tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

Người đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính Quý III/2016 tại
ngày 30 tháng 9 năm 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 8 tháng 9 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Diệp
Ông Nguyễn Thanh Hoàn

Chủ tịch
Thành viên
(đến ngày 4 tháng 2 năm 2016)

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hữu Ngọc
Ông Nguyễn Thành Phương

Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 3 tháng 2 năm 2016)

Bà Đồng Thị Lan

Thành viên
(từ ngày 25 tháng 3 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hải Đăng
Ông Trần Vĩnh Hào

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 64B, Phan Đình Phùng, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính Quý III/2016 đính kèm của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính Quý III/2016 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý III/2016. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính Quý III/2016 được trình bày từ trang 3 đến trang 18 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại 30 tháng 9 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính Quý III/2016 đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Ngày 17 tháng 10 năm 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại 30 tháng 9 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2016 VND	01/1/2016 VND
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		117.986.706.044	132.513.934.486
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	72.999.329.624	71.538.546.625
Tiền	111		42.999.329.624	11.538.546.625
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.088.520.455	50.641.709.611
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	13.556.484.766	31.727.542.578
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.081.786.562	9.490.807.062
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.450.249.127	9.423.359.971
Hàng tồn kho	140	7	19.253.444.067	9.713.934.067
Hàng tồn kho	141		19.253.444.067	9.713.934.067
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.645.411.898	619.744.183
Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			574.264.161
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	45.480.022	45.480.022
Tài sản ngắn hạn khác	155		2.599.931.876	
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.892.270.137.405	1.923.840.981.417
Tài sản cố định	220		1.868.203.160.717	1.912.588.214.027
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.859.894.855.586	1.904.296.908.896
Nguyên giá	222		1.981.083.232.210	1.974.089.893.197
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.188.376.624)	(69.792.984.301)
Tài sản cố định vô hình	227	9	8.308.305.131	8.291.305.131
Nguyên giá	228		8.308.305.131	8.291.305.131
Giá trị hao mòn lũy kế	229			
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.680.333.554	10.681.315.849
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	11.680.333.554	10.681.315.849
Tài sản dài hạn khác	260		12.386.643.134	571.451.541
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	12.386.643.134	571.451.541
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.010.256.843.449	2.056.354.915.903

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

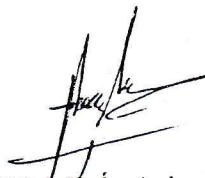
Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2016 VND	01/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.500.384.825.394	1.560.888.311.785
Nợ ngắn hạn	310		61.322.967.828	159.376.699.203
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	22.185.816.242	66.987.475.179
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	14.217.271.457	5.015.305.141
Phải trả người lao động	314		936.026.985	7.695.446.046
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	13.360.778.356	27.481.142.375
Phải trả ngắn hạn khác	319		7.111.197.097	11.343.330.462
Vay ngắn hạn	320		2.296.000.000	40.854.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.215.877.691	
Nợ dài hạn	330		1.439.061.857.566	1.401.511.612.582
Phải trả dài hạn khác	337		203.000.000	203.000.000
Vay dài hạn	338		1.438.858.857.566	1.401.308.612.582
VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)	400		509.872.018.055	495.466.604.118
Vốn chủ sở hữu	410		509.872.018.055	495.466.604.118
Vốn cổ phần	411		415.296.507.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.933.060.422	69.527.646.485
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.837.625.469	1.738.390.092
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		59.095.434.953	67.789.256.393
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.010.256.843.449	2.056.354.915.903

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm Trước
Doanh thu bán hàng	01		121.853.085.262	120.064.468.004	290.162.623.333	255.172.248.585
Giá vốn hàng bán	11		39.480.600.007	11.052.759.091	98.028.796.962	61.621.332.794
Lợi nhuận gộp (20 = 01- 11)	20		82.372.485.255	109.011.708.913	192.133.826.371	193.550.915.791
Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.286.764.359	183.035.430	1.671.503.099	9.193.321.633
Chi phí tài chính	22		39.051.617.642	43.294.236.630	117.172.630.159	125.864.068.049
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.969.536.024	41.854.269.752	107.995.069.951	117.832.731.031
Chi phí bán hàng	25		97.157.999		97.157.999	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.961.563.366	36.249.071.764	17.528.530.959	46.055.321.487
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		36.548.910.607	29.651.435.949	59.007.010.353	30.824.847.888
Thu nhập khác	31		112.178.991	44.100.000	179.487.301	44.100.000
Chi phí khác	32		90.771.888		91.062.700	26.958.640
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		21.407.103	44.100.000	88.424.601	17.141.360
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.570.317.710	29.695.535.949	59.095.434.954	30.841.989.248
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		36.570.317.710	29.695.535.949	59.095.434.954	30.841.989.248
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập:

Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp- tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30/09/2016 VND	30/09/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	59.095.434.954	30.841.989.248
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	121.188.376.624	51.891.731.314
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(125.284.968)	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.671.503.099)	(563.064.077)
Chi phí lãi vay	06	107.995.069.951	117.832.731.031
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	286.482.093.462	200.003.387.516
Biến động các khoản phải thu	09	(22.948.425.126)	(141.713.895.298)
Biến động hàng tồn kho	10	(19.253.444.067)	(9.068.622.284)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(40.563.753.332)	163.112.728.379
Biến động chi phí trả trước	12	11.815.191.593	(6.379.499.669)
Tiền lãi vay đã trả	13	(108.007.107.887)	(120.656.942.088)
Thuế TNN đã nộp	14		(20.562.869)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	107.524.554.643	85.276.593.687
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(107.354.019.627)	(42.907.139.419)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.671.503.099	563.064.077
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(105.682.516.528)	(42.344.075.342)
Tiền thu từ đi vay	33	37.676.744.984	78.760.472.591
Tiền trả nợ gốc vay	34	(38.058.000.000)	(79.076.065.000)
Tiền trả cổ tức	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(381.255.016)	(315.592.409)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp- tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/09/2016 VND	30/09/2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.460.783.099	42.616.925.936
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	4	71.538.546.625	16.878.405.960
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	72.999.329.724	59.495.331.896

Người lập:

Lâm Thị Hà
 Kế toán tổng hợp

Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng



Người duyệt:
 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại 30 tháng 9 năm 2016, Công ty có 97 nhân viên (01/1/201: 98 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, được lập trên cơ sở đơn

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và khác khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí thiết bị văn phòng trả trước.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ báo gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu chỉ bao gồm tiền bán điện do Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát sản xuất ra. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	596.687.682	116.992.361
Tiền gửi ngân hàng	42.402.641.942	11.421.554.264
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	60.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	72.999.329.624	71.538.546.625

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại 30 tháng 9 năm 2016 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2016 VND	01/1/2016 VND
Phải thu người lao động	7.557.976	12.091.828
Phải thu khác	1.442.691.151	9.411.268.143
	<hr/>	<hr/>
	1.450.249.127	9.423.359.971

7. Hàng tồn kho

	30/9/2016		01/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.560.723.092	-	489.503.623	-
Công cụ và dụng cụ	17.692.720.975	-	9.224.430.444	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	19.253.444.067	-	9.713.934.067	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Công trình thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.407.830.000.000	66.050.958	562.519.611.934	3.674.230.305	1.974.089.893.197
Tăng trong kỳ Giảm trong kỳ (thanh lý, nhượng bán)	5.203.638.000		331.000.000	1.829.892.227	7.364.530.227
Số dư cuối kỳ	1.413.033.638.000	66.050.958	562.850.611.934	5.132.931.318	1.981.083.232.210
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	40.224.285.714	66.050.958	28.352.570.157	1.150.077.472	69.792.984.301
Khấu hao trong kỳ	30.245.697.825	6.083.334	20.981.647.635	521.816.108	51.755.244.902
Giảm khác			11.338.635	(371.191.214)	(359.852.579)
Số dư cuối kỳ	70.469.983.539	72.134.292	49.345.556.427	1.300.702.366	121.188.376.624
Giá trị còn lại	1.367.605.714.286	-	534.167.041.777	2.524.152.833	1.904.296.908.896
Số dư đầu kỳ	1.342.563.654.461	(6.083.334)	513.505.055.507	3.832.228.952	1.859.894.855.586

Các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại 30 tháng 9 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016 có nguyên giá là 721 triệu VND.

Tại 30 tháng 9 năm 2016 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phân hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và chi phí san nền, giải phóng mặt bằng liên quan đến lô đất tại Đường Thủy Hoa, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2016 VND	ngày 01/01/2016 VND
Số dư đầu kỳ/năm	10.681.315.849	1.867.447.381.354
Tăng trong kỳ/năm	8.561.238.079	111.845.316.131
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn		7.596.295.065 (1.970.020.000.000)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình		
Xóa sổ	(7.562.220.374)	6.187.676.701
Số dư cuối kỳ/năm	11.680.333.554	10.681.315.849

(*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình theo quyết định của Ban Giám đốc Công ty. Công ty đã ghi nhận nguyên giá của dự án công trình thủy điện này bằng tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 1.970.020 triệu VND, xấp xỉ với chi phí thực tế phát sinh tạm tính của dự án. Giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát sẽ được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, các hồ sơ quyết toán vẫn chưa được hoàn thiện.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	30/9/2016 VND	01/01/2016 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	8.415.783.533	7.562.220.374
Công trình Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa	2.391.822.749	2.391.822.749
Dự án Ngòi Phát mở rộng	181.818.182	36.363.636
Dự án suối Chăn	690.909.090	690.909.090
	11.680.333.554	10.681.315.849

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/9/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	4.235.030.172	4.235.030.172	13.597.592.229	13.597.592.229
Công ty TNHH Tư nhân Andritz Hydro	7.628.001.014	7.628.001.014	8.823.871.182	8.823.871.182
Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Thủy điện tỉnh Triết Giang	758.747.815	758.747.815	27.882.953.914	27.882.953.914
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	877.588.625	877.588.625	1.749.442.970	1.749.442.970
Các nhà cung cấp khác	8.686.448.616	8.686.448.616	14.933.614.884	14.933.614.884
	22.185.816.242	22.185.816.242	66.987.475.179	66.987.475.179

12. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	01/1/201 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	30/9/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng		30.837.768.114	26.103.579.803	4.734.188.311
Thuế thu nhập cá nhân	122.778.162	1.409.292.299	1.469.760.085	62.310.376
Thuế tài nguyên	3.521.863.824	23.979.037.794	18.808.153.041	8.692.748.577
	1.370.663.155	825.709.048	1.468.348.010	728.024.193
Các loại thuế khác	5.015.305.141	57.051.807.255	47.849.840.939	14.217.271.457

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/9/2016 VND	01/1/201 VND
Lãi vay phải trả	13.360.778.356	12.961.098.231
Chi phí phải trả cho tài sản cố định hữu hình		14.520.044.144
	13.360.778.356	27.481.142.375

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2016 tại ngày 30 tháng 9 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2016	01/1/201
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	91.909.194	109.262.259
Bảo hiểm xã hội	89.382.144	
Bảo hiểm y tế	15.464.523	
Bảo hiểm thất nghiệp	6.857.338	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.907.583.898	11.234.068.203
	7.111.197.097	11.343.330.462

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/9/2016	01/1/201
	VND	VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	203.000.000	203.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	8.628.956.068	1.738.390.092	436.306.303.793
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.146.453.299	1.146.453.299
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(8.628.956.068)	-	(8.628.956.068)
Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2015	415.296.507.633	10.642.450.000	-	2.884.843.391	428.823.801.024
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	-	69.527.646.485	495.466.604.118
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	59.095.434.954	59.095.434.954
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.160.370.254)	(3.160.370.254)
Cổ tức	-	-	-	(41.529.650.763)	(41.529.650.763)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	-	83.933.060.422	509.872.018.055

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý III/2016 tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay	107.995.069.951	143.603.067.699
Chi phí tài chính khác	9.1777.560.208	18.778.536.551
	<u>117.172.630.159</u>	<u>162.381.604.250</u>

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí nhân công	8.365.599.015	16.882.709.850
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	583.039.040	352.520.137
Chi phí khấu hao	2.341.607.076	44.340.454
Thuế, phí và lệ phí	21.484.724	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.628.223.367	6.248.717.700
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.488.577.737	15.969.392.724
	17.528.530.959	39.497.680.865

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Người duyệt:
 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

GIẢI TRÌNH CHÈNH LỆCH LỢI NHUẬN SAUTHUẾ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 mã chứng khoán ND2 trân trọng gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Quý Sở lời chào trân trọng nhất.

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3 năm 2016 kết thúc ngày 30/09/2016 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 được lập vào ngày 17/10/2016 trong đó lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 3 năm 2016 so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 3 năm 2015 có sự thay đổi từ 10% trở lên, Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Quý 3 năm 2016 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: **36.570.317.710 đồng**; Quý 3 năm 2015 là: **29.695.535.949 đồng**, Lợi nhuận quý 3 năm 2016 tăng hơn so với lợi nhuận quý 3 năm 2015 là: **6.874.781.761 đồng** tương đương tăng **23,2%**

Nguyên nhân tăng do:

Là doanh nghiệp sản xuất điện (thủy điện) doanh thu sản xuất điện hoàn toàn phụ thuộc vào thủy văn theo mùa. Lợi nhuận quý 3/2016 tăng 6.874.781.761 đồng so với lợi nhuận quý 3/2015 nguyên nhân tăng do:

1. Thủy văn quý 3/2016 mưa đều, sản lượng điện quý 3/2016 tăng so với sản lượng điện quý 3/2015 tương đương tăng doanh thu 1.8 tỷ đồng.
2. Chi phí lãi vay vốn quý 3/2016 giảm so với chi phí lãi vay vốn quý 3/2015 tương ứng giảm 2,9 tỷ đồng.
3. Doanh thu hoạt động tài chính quý 3/2016 tăng so với doanh thu hoạt động tài chính quý 3/2015 tương ứng tăng doanh thu hoạt động tài chính 1,1 tỷ đồng.

Ba nguyên chủ yếu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế quý 3/2016 tăng so với lợi nhuận sau thuế quý 3/2015 tương ứng tăng 23,2%

Trên đây là nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/2016 tăng so với kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/2015 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TCKT.

Người đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ung Hồng Văn